

TCVN 2230 : 2007

ISO 565 : 1990

Xuất bản lần 2

**SÀNG THỬ NGHIỆM – LƯỚI KIM LOẠI ĐAN,
TẤM KIM LOẠI ĐỘT LỖ VÀ LƯỚI ĐỘT LỖ BẰNG ĐIỆN –
KÍCH THƯỚC LỖ DANH NGHĨA**

*Test sieves – Metal wire cloth, perforated metal plate and electroformed sheet –
Nominal sizes of openings*

HÀ NỘI – 2007

Lời nói đầu

TCVN 2230 : 2007 thay thế TCVN 2230 : 1977.

TCVN 2230 : 2007 hoàn toàn tương đương với ISO 565 : 1990.

TCVN 2230 : 2007 do Tiểu ban kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC27/SC3 *Nhiên liệu khoáng rắn – Than* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Lời giới thiệu

Khi các sàng thử nghiệm bằng lưới dệt lỗ bằng điện được nghiên cứu biên soạn và nhập vào bản tiêu chuẩn xuất bản lần thứ hai của ISO 565, phát hành năm 1983, thì dải kích thước lỗ đã được mở rộng xuống đến 5 μm bằng cách đưa vào dãy R'10 tất cả các kích thước chính từ 32 μm và nhỏ hơn, phù hợp với ISO 497.

Trong cùng thời gian đó cũng đã thấy có nhu cầu cần lưới kim loại, lưới dệt lỗ bằng điện có kích thước nhỏ hơn. Do vậy trong bảng về các kích thước lỗ danh nghĩa đã nhất trí bỏ các kích thước lỗ phụ: 28 μm và 22 μm , và các kích thước lỗ chính: 12,5 μm , 8 μm và 6,3 μm .

Ngoài việc bỏ các kích thước trên, hệ số của các kích thước liên tiếp trong dãy số được nêu trong Bảng 0.1.

Bảng 0.1

ISO 3 và ISO 497	Bước	Hệ số
R 20/3	Khoảng 40 %	1,40
R' 10	Khoảng 25 %	1,25
R 40/3	Khoảng 19 %	1,19
R 20	Khoảng 12 %	1,12

Tiêu chuẩn này sẽ được tiếp tục soát xét, nếu thích một trong các kích thước phụ quy định trong Bảng 1 và Bảng 2: R 20 hoặc R 40/3 được chấp nhận rộng rãi và mang tính chất chung, lúc đó sẽ cần đưa vào tiêu chuẩn cả hai dãy kích thước này.

Các yêu cầu kỹ thuật đối với sàng thử nghiệm, ví dụ: sai lệch kích thước lỗ và các phương pháp kiểm tra xác nhận được nêu trong ISO 3310-1, ISO N3310-2, và ISO 3310-3.

Sàng thử nghiệm – Lưới kim loại đan, tấm kim loại đột lỗ và lưới đột lỗ bằng điện – Kích thước lỗ danh nghĩa

Test sieves – Metal wire cloth, perforated metal plate and electroformed sheet – Nominal sizes of openings

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các kích thước lỗ danh nghĩa đối với lưới đan, tấm kim loại đột lỗ và lưới đột lỗ bằng điện dùng làm sàng thử nghiệm.

Tiêu chuẩn này áp dụng cho:

- lưới kim loại có các lỗ vuông;
- tấm kim loại đột lỗ và lưới đột lỗ bằng điện có các lỗ tròn hoặc lỗ vuông.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau là cần thiết khi áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm ban hành thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các bản sửa đổi (nếu có).

ISO 2395 : 1972 Test sieves and testing sieving – Vocabulary (Sàng thử nghiệm – Từ vựng).

3 Định nghĩa

Khi áp dụng tiêu chuẩn này, dùng các thuật ngữ nêu trong ISO 2395.

4 Ký hiệu

TCVN 2230 : 2007

4.1 Các sàng thử nghiệm được ký hiệu theo kích thước danh nghĩa của lỗ (khoảng cách giữa các cạnh đối diện hoặc đường kính). Đối với tấm kim loại đột lỗ và lưới đột lỗ bằng điện, sẽ ghi rõ loại lỗ vuông hoặc tròn.

4.2 Các kích thước lỗ lớn hơn và bằng 1 mm được biểu thị theo milimét (mm); các kích thước lỗ nhỏ hơn 1 mm sẽ được biểu thị theo micromét (μm).

5 Kích thước lỗ danh nghĩa

Các kích thước lỗ danh nghĩa được nêu trong Bảng 1 và Bảng 2 có dải áp dụng như sau:

- a) đối với lưới kim loại đan: từ 125 mm đến 20 μm ;
- b) đối với tấm kim loại đột lỗ:
 - loại lỗ vuông: từ 125 mm đến 4 mm;
 - loại lỗ tròn: từ 125 mm đến 1 mm.
- c) đối với lưới đột lỗ bằng điện có các lỗ tròn hoặc vuông: từ 500 μm đến 5 μm .

Khuyến cáo nên dùng các kích thước lỗ chính, nhưng nếu cần các dây có kích thước nhỏ hơn thì chỉ hạ xuống từ một dãy kích thước phụ, không hạ từ hai loại kích thước, tức là từ R 20 hoặc R 40/3.

Bảng 1 – Kích thước theo milimét

Kích thước chính	Kích thước phụ		
	R 20/3	R 20	R 40/3
125	125	125	125
		112	106
90	100	90	90
	90	80	75
	80		63
63	71	63	53
	63		45
	56		37,5
45	50	45	31,5
	45		26,5
	40		22,4
31,5	35,5	31,5	19
	31,5		16
	28		13,2
22,4	25	22,4	11,2
	22,4		9,5
	20		8
16	18	16	6,7
	16		5,6
	14		4,75
11,2	12,5	11,2	3,35
	11,2		2,8
	10		2,36
8	9	8	2
	8		1,7
	7,1		1,4
5,6	6,3	5,6	1,4
	5,6		1,25
	5		1,18
4	4,5	4,5	1,12
	4		1
	3,55		1
2,8	3,15	3,15	
	2,8		
	2,5		
2	2,24	2,24	
	2		
	1,8		
1,4	1,6	1,6	
	1,4		
	1,25		
1	1,12	1,12	
	1		
	1		

Bảng 2 – Kích thước theo micromét

Kích thước chính	Kích thước phụ		
	R 20/3	R 20	R 40/3
900		900	850
	710	800	710
		710	630
500		560	500
	355	500	425
		450	400
250		355	300
	180	315	250
		280	224
125		200	180
	90	180	150
		80	140
63		125	106
	45	112	90
		71	80
32		71	63
	25	63	53
		20	56
20		50	45
	16	45	45
		10	40
10		36	
	5		
5			

Phụ lục A

(tham khảo)

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] ISO 3 : 1973, Preferred numbers – Series of preferred numbers (Số ưu tiên – Dãy số ưu tiên).
- [2] ISO 497 : 1973, Guide to the choice of series of preferred numbers and series containing more rounded values of preferred numbers (Hướng dẫn chọn dãy số ưu tiên và dãy các giá trị làm tròn lên của các số ưu tiên).
- [3] ISO 3310-1 : 1990 Test sieves – Technical requirements and testing – Part 1: Test sieves of metal wire cloth (Sàng thử nghiệm – Yêu cầu kỹ thuật – Phần 1: Sàn thử nghiệm làm bằng lưới đan kim loại).
- [4] ISO 3310-2 Test sieves – Technical requirements and testing – Part 2: Test sieves of perforated metal plate (Sàng thử nghiệm – Yêu cầu kỹ thuật – Phần 1: Sàn thử nghiệm làm bằng lưới thép đột).
- [5] ISO 3310-3 : 1990 Test sieves – Technical requirements and testing – Part 3: Test sieves of electrfomed sheets. (Sàng thử nghiệm – Yêu cầu kỹ thuật và thử nghiệm – Phần 3: Sàn thử nghiệm làm bằng tấm kim loại).
-